TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 02– 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa nguyên đơn Trần Thị Thùy L và bị đơn Trương Đình C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lựu
2. Ông Huỳnh Văn Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX - ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn H, xã Vĩnh A, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Trương Đình C, sinh năm: 1971
Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà L trình bày:

Bà L và ông C sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/06/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Khoảng đầu năm 2006 thì tự sống ly thân nhau trong thời gian khoảng 04 năm, sau đó lại đoàn tụ cùng nhau chung sống, nhưng vẫn không hạnh phúc, mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng không có tiếng nói chung nên khoảng năm 2012 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông C không có con chung. Trong thời gian ly thân, bà L đã mang thai và sinh một bé trai vào ngày 11/11/2022, do không phải con chung giữa bà L và ông C nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Đình C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày của ông C.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Trần Thị Thùy L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Trương Đình C, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/06/2005. Do vậy, hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu do Tòa án thu thập là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú thì tuy không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng trên thực tế nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau; Mặt khác, bị đơn biết nguyên

đơn khởi kiện xin ly hôn, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia các buổi làm việc cũng như hòa giải, từ đó có thể thấy bị đơn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Bà L trình bày quá trình chung sống bà và ông C không có con chung. Tuy nhiên, tại thời điểm thụ lý giải quyết vụ án thì bà L đang mang thai và cung cấp một giấy chứng sinh ngày 11/11/2022, bà L trình bày không phải con chung của bà L ông C trong thời kỳ hôn nhân nên không yêu cầu giải quyết về con chung, bà tự nuôi dạy, chăm sóc cháu bé; Bà L khẳng định ông C biết việc bà mang thai, sinh con và ông C không có ý kiến gì do bà và ông C sống ly thân nhưng chỉ sống cách nhau khoảng 100m; Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn ông C từ chối tiếp xúc, làm việc; Đại diện nơi cư trú xác nhận nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống từ năm 2012. Do đó, tách quyền khởi kiện để xác định cha cho cháu bé thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu theo qui định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Trần Thị Thùy L được ly hôn với ông Trương Đình C.

2. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0008xxx ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 09/02/2023.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (số 47, ngày 23/6/2005)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Thành viên Hội đồng xét xử		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Vũ Thị Lựu	**Huỳnh Văn Đường**	**Nguyễn Trần Ánh Nguyệt**